

H, ngày 19 tháng 8 năm 2021

Số: 104/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 113/2021/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1995;

ĐKHKTT: Tổ 8A, khu 3, phường HT, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Chỗ ở: Phòng 1919, Tòa B, Chung cư GreenBay Garden, đường Hoàng Quốc Việt, phường HT, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

2. Người yêu cầu: Anh Hà Tuấn N, sinh năm 1988;

ĐKHKTT: Khu 3 Hải Hòa, thành phố MC, tỉnh Quảng Ninh;

Chỗ ở: Khu 1 Hải Hòa, thành phố MC, tỉnh Quảng Ninh;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Hà Tuấn N tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HT, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 30/3/2018. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị T và anh N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do: bất đồng quan điểm sống, khác biệt trong tính cách và suy nghĩ nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn căng thẳng, mệt mỏi. Do đó, chị T và anh N đã sống ly thân từ tháng 04/2021 đến nay, mỗi người ở một nơi, không tìm cách hàn gắn tình cảm và cũng quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị T và anh N đều công nhận không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T và anh N đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Hà Tuấn N có 02 con chung là Hà Gia A, sinh ngày 28/6/2018 và Hà Đức Gia B, sinh ngày 10/9/2019.

Khi ly hôn chị T và anh N thống nhất chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm

sóc cả hai con chung Hà Gia A và Hà Đức Gia B đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/1 tháng/1 con chung kể từ tháng 8/2021 đến khi các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh N có quyền, nghĩa thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Hà Tuấn N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị T và anh N không vay nợ chung cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Mai T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Hà Tuấn N cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao hai con chung Hà Gia A, sinh ngày 28/6/2018 và Hà Đức Gia B, sinh ngày 10/9/2019 cho chị Nguyễn Thị Mai T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Hà Tuấn N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/1 tháng/1 con chung kể từ tháng 8/2021 đến khi các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Hà Tuấn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Hà Tuấn N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai T và anh Hà Tuấn N không có vay nợ chung của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nên không đề cập giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Mai T phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị Nguyễn Thị Mai T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0003832 ngày 23/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Hạ Long;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**Nguyễn Thu Hương**

